

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỲ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA NĂM 2017

Môn: Tiếng Trung Quốc

ĐỀ THI THỬ NGHIỆM
(Đề thi có 03 trang)

Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi 01

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau:

Câu 1: Phiên âm đúng của từ 信念 là: _____.

- A. xīnniàn B. xìnniàn C. xìnniān D. xīnniān

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 特殊 là: tè_____ū.

- A. sh B. ch C. s D. x

Câu 3: 小兰是一个活泼、开_____的姑娘。

- A. 款 B. 浪 C. 郎 D. 朗

Câu 4: 他从老家带来了一_____非常可爱的小黄狗。

- A. 头 B. 颗 C. 只 D. 个

Câu 5: 对这个问题, 我没有_____意见了。

- A. 什么 B. 什么样 C. 怎么 D. 怎么样

Câu 6: 这次比赛他取得了非常优异的_____。

- A. 经验 B. 结局 C. 成绩 D. 效果

Câu 7: 听他的口音, 你猜得_____是上海的还是北京的吗?

- A. 起来 B. 出来 C. 上来 D. 过来

Câu 8: 我们在河内_____了几次还剑湖和西湖。

- A. 看望 B. 游行 C. 旅行 D. 游览

Câu 9: 别人都_____地听着课, 可是我却怎么也集中不起来。

- A. 关心 B. 小心 C. 放心 D. 专心

Câu 10: 你看这白纸黑字, 写得_____, 你不要再解释了。

- A. 清楚清楚 B. 清楚一清楚 C. 清清楚楚 D. 清楚了清楚

Câu 11: 交往能力的_____是一个人将来能否成功的重要因素。

- A. 高矮 B. 多少 C. 快慢 D. 强弱

Câu 12: 有的老年人总是_____老眼光看待现在的青年。

- A. 把 B. 从 C. 以 D. 依

Câu 13: 本次会议两国外长将_____引人注目的国际事件交换意见。

- A. 就 B. 由 C. 向 D. 凭

Câu 14: 这件事说起来容易, _____做起来不一定一帆风顺。

- A. 而且 B. 要不 C. 但是 D. 所以

Câu 15: 孩子将来能否成才, _____不是父母单方面决定的事。

- A. 首先 B. 终于 C. 难怪 D. 根本

Câu 16: 你先讲讲这次旅游的路程计划, 其他注意事项我_____就补充。

- A. 赶快 B. 赶紧 C. 随后 D. 随便

Câu 17: 这个地方风景_____不错, 又有山又有水, 就是交通太不方便了。

- A. 倒 B. 却 C. 总 D. 竟

Câu 18: 我们都报考了北京大学中文系, 你_____?

- A. 啊 B. 吗 C. 呢 D. 嘛

Câu 19: 虽然出国多年, 他仍保留_____在国内早起的习惯。

- A. 了 B. 着 C. 过 D. 的

Câu 20: 他_____精通英语, _____掌握电脑, 所以很容易找到理想的工作。

- A. 边……边…… B. 既……又……

C. 既……就……

D. 越……越……

Câu 21: 我认为_____大家一起想办法, _____能攻克这个难关。

A. 即使……也……

B. 不管……都……

C. 除非……才……

D. 哪怕……都……

Câu 22: 你_____隔三差五地修理这辆旧车, _____买一辆新车好。

A. 要么……要么……

B. 宁肯……也要……

C. 与其……不如……

D. 不但……反而……

Câu 23: 答完最后一道题后, 小明_____。

A. 累得手都抬不起来了

B. 抬手都累得不起来了

C. 抬手累得都不起来了

D. 累得抬手都不起来了

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

Câu 24: 自从参加 A 工作以后, 我 B 已经有十多年没回 C 去了 D。 (家乡)

Câu 25: 上大学 A 以前, 我已经在高中 B 学了 C 汉语 D。 (三年)

Câu 26: 这是 A 朋友送给我的 B 非常漂亮的 C 名牌真丝 D 衬衫。 (一件美国公司生产的)

Câu 27: 我们 A 都是 B 去年 C 坐飞机 D 来北京的。 (从韩国)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích cho từ/cụm từ được gạch chân trong các câu sau:

Câu 28: 梅香每天都坐公共汽车到办公室上班。

A. 游客休息的地方

B. 学生上课的地方

C. 职员工作的地方

D. 农民干活的地方

Câu 29: 我们怎么能不为越南人爱国勤劳的传统美德而感到自豪呢?

A. 客气

B. 害羞

C. 骄傲

D. 高兴

Câu 30: 在交际的过程中, 无言有时候是一种最好的选择。

A. 交代

B. 交情

C. 交接

D. 交往

Câu 31: 专家们在发言中指出, 未来电信技术将会应用得非常广泛。

A. 指导

B. 理解

C. 说明

D. 知道

Câu 32: 这次活动使孩子们亲身感受到了帮助别人的快乐, 培养了他们的合作精神。

A. 体谅

B. 发觉

C. 发现

D. 体会

Câu 33: 没想到你还真有两下子, 这么快就把这辆破摩托车修好了。

A. 勇气

B. 本事

C. 力气

D. 经验

Câu 34: 整个下午我要干好几件事, 而他们除了喝咖啡、说三道四, 什么都不干。

A. 就事论事

B. 讨论问题

C. 结算帐目

D. 议论别人

Câu 35: 本想得到几句赞美的, 没想到却碰了个钉子, 他只好垂头丧气地回了家。

A. 受了伤

B. 遭到拒绝

C. 受了骗

D. 遭到麻烦

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 36 đến câu 40.

一群学生一同去拜访大学教授。起初大家谈得很愉快, 说着说着, 学生们的话题便转向了抱怨, 他们抱怨生活压力太大, 人际关系太复杂。

这时, 教授不动声色地从厨房里取出了许多杯子, 其中有陶制的, 有瓷制的, 有玻璃的, 也有塑料的。教授嘱咐学生们自己取杯子倒水喝。大部分杯子被取走后, 托盘上只剩下一些看起来很丑的杯子。

教授这时别有深意地微笑着说: “你们瞧, 所有美丽的杯子都被拿走了, 剩下的, 全是让人瞧不上的塑料杯。现在, 我想问的是: 你们选杯子的目的是什么?”

学生们异口同声地说: “喝水啊!”教授又问: “既然是喝水, 那为什么你们那么在意盛水的杯子呢? 随手拿一个杯子不可以了吗? 为什么还一定要选好的、美的、精致的?”学生们被问得哑口无言。

这时，教授严肃地说道：“什么都想一手抓的心态，正是造成压力的主要原因。你们喝的是水，却要选美的杯子，甚至在选不上好的杯子时，心生怨意。”

在学生的一片沉默中，教授继续说道：“这就和生活一样。生活就是水，而名誉与地位，仅仅是盛水的杯子罢了。如果我们把所有的注意力放在杯子上，那么，我们将没有时间和心情来品尝和享受杯中水的美好滋味。”

Câu 36: 第二段中的划线词语“不动声色”的意思是：

- A. 不高兴 B. 不微笑 C. 不说话 D. 不热情

Câu 37: 教授为什么取出不同的杯子让学生们喝水？

- A. 想告诉学生一个道理 B. 让学生可以随意挑选杯子
C. 想让学生的心情变好 D. 告诉学生家里有很多杯子

Câu 38: 学生不选择塑料杯子是因为塑料杯子：

- A. 不太大 B. 不太好看 C. 没有水 D. 没法盛水

Câu 39: 教授认为学生们抱怨的原因是：

- A. 他们喜欢美丽的杯子 B. 生活的压力太大
C. 他们想得到的太多了 D. 人际关系太复杂

Câu 40: 通过这次拜访，学生们学到什么？

- A. 懂得舍弃才能享受生活 B. 漂亮的东西不一定是好的
C. 要及时追求名誉与地位 D. 生活压力大，要学会放松

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 41 đến câu 50.

女儿和同学去爬山，出了事故，骨折住院了。我每天都给她做(41)_____的饭菜。那天中午，我做了土豆排骨汤，她却(42)_____看了一眼，然后说：“妈，以后你别给我送饭了，我想吃医院的饭菜。”

“为什么？”我愣了，问她。

女儿犹豫了(43)_____, 转过身指指旁边的床位：“因为我不想让那个哥哥难受。”

原来女儿旁边的床位，有个比女儿大两三岁的男孩，已经住院半个多月了。女儿(44)_____地说：“他没有妈妈，爸爸忙着上班，没有时间做饭，他只能吃医院的饭。以后我陪着他一起吃医院的饭，他心里就不难过了……”

我的心(45)_____深深触动了。可是，我还是不愿意为此委屈女儿，(46)_____说，“那以后我多做一些，你和那个哥哥一起吃好吗？”“不好。”女儿(47)_____我：“这样他会觉得我们是可怜他。妈妈，你让我吃医院的饭吧，挺好的。”

我这一刻看到了自己的自私和狭隘，已经是成年人、受过高等教育的我，(48)_____善良的感知，还不如一个13岁的孩子。女儿还不懂得太多人生的(49)_____, 但是她本能地知道，善良就是在病痛面前炫耀健康，不在贫穷面前显示富有。哪怕只是在一顿简单的饭菜前，也要隐藏自己(50)_____的美味和丰盛。我有什么理由不成全一个孩子的纯真、善良呢？

- | | | | |
|----------------------|-------|-------|-------|
| Câu 41: A. 亲口 | B. 开口 | C. 可口 | D. 胃口 |
| Câu 42: A. 一定 | B. 刚才 | C. 只要 | D. 只是 |
| Câu 43: A. 一次 | B. 一下 | C. 一回 | D. 一趟 |
| Câu 44: A. 暗暗 | B. 偷偷 | C. 默默 | D. 悄悄 |
| Câu 45: A. 为 | B. 被 | C. 受 | D. 让 |
| Câu 46: A. 一向 | B. 从此 | C. 于是 | D. 首先 |
| Câu 47: A. 打断 | B. 打动 | C. 打扰 | D. 打听 |
| Câu 48: A. 至于 | B. 对于 | C. 由于 | D. 关于 |
| Câu 49: A. 知识 | B. 见识 | C. 道理 | D. 意思 |
| Câu 50: A. 拥有 | B. 具有 | C. 含有 | D. 富有 |

----- HẾT -----